

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2025/HNGĐ-PT

Ngày: 15/4/2025

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Tuyết Mai.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tính.

Ông Nguyễn Quang Hoà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lành - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Thanh Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2024/TLPT-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 62/2024/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Thuận Thành bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 20/2025/QĐ-PT ngày 06 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1992; HKTT: Thôn AL, xã ĐT, thị xã TT, tỉnh Bắc Ninh; Quê quán, nơi cư trú: Thôn ĐT, xã ĐT, thị xã TT, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt;

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn L1, sinh năm 1994; HKTT: Thôn AL, xã ĐT, thị xã TT, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt;

Người đại diện theo ủy quyền về giải quyết con chung của anh L1: Ông Trần Văn L2, sinh năm 1965 (bố đẻ anh L1); HKTT: Thôn AL, xã ĐT, thị xã TT, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt;

Người kháng cáo: Anh Trần Văn L1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án như sau:

**Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị C trình bày:* Chị và anh Trần Văn L1 quen nhau do được mai mối, tự nguyện và đăng ký kết hôn ngày 31/5/2017 tại Ủy ban nhân dân xã ĐĐT, huyện TT (nay là thị xã TT), tỉnh Bắc Ninh.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống cùng bố mẹ chồng. Sau đó vợ chồng mua đất làm nhà và ra ở riêng. Quá trình chung sống vợ chồng sống không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Anh L1 ít tuổi nhưng nghiện rượu, khi không vừa ý là đánh chửi chị. Chị không chịu đựng được nên đã nhiều lần bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Sau đó vì con cái nên chị quay lại nhưng vẫn không thể chịu đựng được. Ngày 22/5/2024, chị về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Chị xét thấy không thể tiếp tục chung sống nhau được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L1.

- Con chung: Vợ chồng có 02 con là cháu Trần Thị Thu T, sinh ngày 7/3/2018 và cháu Trần Văn K, sinh ngày 24/2/2020. Hiện nay cả hai cháu đang ở cùng anh L1, là do anh L1 không cho chị đón con về nuôi.

Trước khi kết hôn với chị, anh L1 cũng đã kết hôn và có 02 con chung. Sau khi ly hôn anh L1 trực tiếp nuôi 02 con chung của vợ cũ. Anh L1 công việc không ổn định, lại nát rượu. Trong khi gia đình anh L1 có em trai tên là Trần Văn Lộc bị tai nạn giao thông chấn thương sọ não, cũng không được bình thường nên chị không yên tâm giao con cho anh L1 nuôi.

Hiện tại chị đi làm công ty Canon Tiên Sơn, thu nhập khoảng 10.000.000 đồng/tháng. Công việc thì đi làm kíp và mỗi tháng được nghỉ khoảng 10 ngày nên có thời gian ở nhà nhiều. Gia đình chị cũng có điều kiện về chỗ ăn ở, người chăm sóc để phụ giúp chị việc nuôi con. Do vậy, chị đề nghị được nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Bị đơn anh Trần Văn L1 trình bày:* Anh xác nhận lời khai của chị C về quá trình kết hôn, con chung là đúng. Tuy vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống. Anh không ngoại tình, không đánh vợ, không vi phạm đạo đức nên anh không nhất trí ly hôn chị C.

- Con chung: Hiện hai con chung đang do anh trực tiếp nuôi dưỡng, ly hôn anh đề nghị được nuôi 02 con chung và không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con chung.

- Tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Với nội dung trên, tại bản án sơ thẩm số: 62/2024/HNGĐ-ST ngày 26/9/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Thuận Thành đã căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; các Điều 55, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị C với anh Trần Văn L1.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị C được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung là cháu Trần Thị Thu T, sinh ngày 7/3/2018 và cháu Trần Văn K, sinh ngày 24/2/2020. Cấp dưỡng nuôi con chung không xem xét giải quyết do chị C không yêu cầu. Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở việc thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết do chị C, anh L1 không yêu cầu.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 09/10/2024, anh Trần Văn L kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm giao cả 02 con chung cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của anh L là ông Trần Văn L2 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo về con chung. Các đương sự không hòa giải được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đảm bảo đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đảm bảo thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Trần Văn L trong thời hạn luật định nên được chấp nhận để xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung: Chị Nguyễn Thị C và anh Trần Văn L1 kết hôn với nhau đảm bảo mọi điều kiện kết hôn theo luật định nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, tại phiên tòa sơ thẩm hai bên đều đồng ý ly hôn nên bản án sơ thẩm đã công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị C và anh L1 là có căn cứ.

[3]. Xét kháng cáo của anh Trần Văn L về con chung thì thấy:

Vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Thị Thu T, sinh ngày 7/3/2018 và cháu Trần Văn K, sinh ngày 24/2/2020. Khi ly hôn chị C và anh L đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung.

Tại cấp phúc thẩm, chị C và anh L1 xuất trình chứng cứ chứng minh đủ điều kiện để nuôi con chung; chị C và anh L1 đều xin được nuôi hai con chung và không yêu cầu bên kia cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, việc nuôi dưỡng, chăm sóc con là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung. Trong vụ án này, chị C chưa có chỗ ở, phải ở nhà bố mẹ đẻ, bố mẹ chị C đều trên 70 tuổi. Anh L1 tuy không có mặt tại Việt Nam nhưng đã ủy quyền cho bố đẻ là ông Trần Văn L2 tham gia tố tụng và thay anh chăm sóc con chung. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông L2 đề nghị cho anh L1 nuôi một con chung. Mặt khác, sau khi chị C anh L1 ly hôn thì hai con của anh chị vẫn do vợ chồng ông L2 nuôi dưỡng, trong thời gian các cháu ở với vợ chồng ông L2 thì các cháu vẫn được ăn học đầy đủ.

Tuy nhiên, do vợ chồng có hai con chung nên việc giao cho một người nuôi dưỡng hai con chung sẽ là quá sức đối với bên được giao và không đảm bảo quyền nuôi con của bên kia. Vì vậy, để tạo điều kiện chăm sóc tốt nhất cho con chung, cũng như đảm bảo quyền nuôi con của cha mẹ cần giao cho mỗi người nuôi một con chung là phù hợp.

Cháu T là con gái nên giao cho chị C nuôi dưỡng và giao cháu K cho anh L1 nuôi dưỡng là phù hợp.

Cấp dưỡng nuôi con: Do các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Từ những phân tích trên, chấp nhận kháng cáo của anh Trần Văn L, sửa bản án sơ thẩm về con chung.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5]. Án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên anh Trần Văn L không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Trần Văn L, sửa bản án sơ thẩm số 62/2024/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị C trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Thị Thu T, sinh ngày 7/3/2018 và giao cho anh Trần Văn L1 trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Văn K, sinh ngày 24/2/2020, kể từ tháng 4/2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Cấp dưỡng nuôi con chung: Không giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại thăm nom con chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí: Anh Trần Văn L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả anh L1 300.000 đồng tại biên lai số 0001454 ngày 10/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND tx Thuận Thành;
- Chi cục THADS tx Thuận Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Tuyết Mai